

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 96/2024/HS-ST
Ngày 31-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Mạnh Hải

Ông Dương Đình Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Phần - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 95/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2024, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 21/2024/QĐ-TA ngày 29 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo:

Lưu Minh T, sinh ngày 12 tháng 7 năm 1995 tại thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: ABC, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số: 0202020202, cấp ngày 20-5-2023; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Viết T (đã chết) và bà Trương Thị Q; chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 28-5-2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 04 năm tù về tội Cướp tài sản theo Bản án số 42/2015/HS-ST; ngày 21-8-2019 bị Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 03 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (đều chưa được xóa tiền án); tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 16-3-2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 03 năm tù về tội Cố ý gây thương tích (đã được xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 22-4-2024, tạm giam từ ngày 25-4-2024 đến nay; có mặt.

- **Người chứng kiến:**

1. Chị Lục Thị T; vắng mặt.

2. Ông Lục Văn T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 15 phút ngày 22-4-2024, Công an thành phố Lạng Sơn thực hiện nhiệm vụ tại khu vực đường XX, tiến hành kiểm tra đối với bị cáo Lưu Minh T. Kết quả kiểm tra nhanh bằng que thử, xác định bị cáo dương tính với chất ma túy. Quá trình làm việc, bị cáo thừa nhận bản thân sử dụng ma túy tổng hợp dạng đá, ngựa từ đầu năm 2024 đến nay, lần gần nhất bị cáo sử dụng ma túy là ngày 19-4-2024 và hiện còn một lượng ma túy đá, ngựa để trong lỗ khe cửa nhà vệ sinh chưa sử dụng.

Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Lạng Sơn khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lưu Minh T, thu giữ trong lỗ khe cửa nhà vệ sinh 01 túi nilon vào trắng kích thước 4,8 x 06cm chứa 01 viên nén màu hồng và 01 túi nilon màu trắng kích thước 04 x 7,5cm chứa chất tinh thể màu trắng hồng. Ngoài ra, thu dưới bộ bếp 01 chai nhựa có gắn vòi hút nhựa.

Kết luận giám định số 518/KL-KTHS ngày 25-4-2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, xác định: 01 viên nén màu hồng và chất tinh thể màu trắng gửi giám định là chất ma túy Methamphetamine, có tổng khối lượng 0,486 gam (đã trừ bì).

Tại cơ quan điều tra, bị cáo khai nhận, khoảng 09 giờ ngày 19-4-2024 bị cáo đi bộ đến khu vực công chợ YYYY gặp và mua với người đàn ông tên C (không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể) 300.000 đồng được 01 túi nilon chứa 01 viên ma túy ngựa và ma túy đá. Sau khi mua được ma túy, bị cáo mang về nhà, lấy một lượng nhỏ ma túy đá ra sử dụng, số còn lại bị cáo để trong lỗ khe cửa phòng vệ sinh để sử dụng cho lần sau. Ngày 22-4-2024 bị cáo bị Công an bắt giữ và đã khai ra chỗ cất giấu ma túy như đã nêu.

Cáo trạng số 94/CT-VKS ngày 15-7-2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Lưu Minh T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lưu Minh T thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lưu Minh T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 05 năm 03 tháng đến 05 năm 06 tháng tù; không áp dụng khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự phạt bổ sung đối với bị cáo; áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy chất ma túy là mẫu vật sau giám định, 01 chai nhựa có gắn vòi hút nhựa; căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo trình bày bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo xin được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình, xã hội và thay đổi, trở thành người có ích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Quá trình điều tra, truy tố, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng; giải thích, hướng dẫn bị cáo về quyền tiếp cận trợ giúp pháp lý, quyền nhờ người bào chữa theo quy định. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không khiếu nại quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng đã được thực hiện là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Lục Thị T và ông Lục Văn T là người chứng kiến vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người chứng kiến theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận bản thân bị cáo sử dụng ma túy đá, ngựa từ năm 2024. Khoảng 09 giờ phút, ngày 19-4-2024, bị cáo gặp và mua với một người đàn ông (không rõ họ, địa chỉ) 300.000 đồng được 01 túi nilon chứa 01 viên ma túy ngựa và ma túy đá. Sau khi mua được ma túy, bị cáo sử dụng một lượng nhỏ ma túy đá, còn lại bị cáo cất giấu trong lỗ khe cửa phòng vệ sinh. Ngày 22-4-2024 bị cáo bị bắt giữ và đã tự nguyện khai ra chỗ cất giấu nên đã bị thu giữ số ma túy còn lại như đã nêu. Khối lượng ma túy bị cáo tàng trữ là 0,486 gam ma túy Methamphetamine (đã trừ bì). Lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, cụ thể: Ngày 28-5-2015 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt 04 năm tù về tội Cướp tài sản, truy thu 400.000 đồng và phải nộp 200.000 đồng án phí theo Bản án số 42/2015/HS-ST. Bản án này bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 03-5-2018, nộp tiền án phí và tiền phạt tháng 10-2015. Ngày 21-8-2019 khi chưa được xóa án tích đối với bản án số 42/2015/HS-ST thì bị cáo lại bị kết án về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị xử phạt 03 năm tù, truy thu 1.100.000 đồng, có nghĩa vụ trả cho bị hại 4.550.000 đồng và phải nộp án phí hình sự 200.000 đồng, án phí dân sự 300.000 đồng theo Bản án số 67/2019/HS-ST. Hành vi phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm. Bản án số 67/2019/HS-ST bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 27-4-2022, nộp tiền án phí hình sự ngày 16-10-2019, nộp tiền án phí dân sự và tiền truy thu ngày 15-5-2020 nhưng chưa trả tiền cho bị hại nên chưa được xóa án tích. Do đó, hành vi phạm tội lần này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang và vật chứng thu giữ được. Do

đó, có đủ cơ sở xác định bị cáo Lưu Minh T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thấy rằng hành vi mà bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự xã hội tại địa phương, xâm phạm chế độ quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Việc bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy còn là hành vi vi phạm Luật Phòng, chống ma túy, tự hủy hoại sức khỏe của bản thân và đó cũng là nguyên nhân gián tiếp gây ra tệ nạn xã hội và các tội phạm khác.

[5] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; thời điểm bị bắt, bị cáo đã tự nguyện khai báo nơi cất giấu ma túy khi chưa bị phát hiện; ông nội của bị cáo là ông Lưu Viết Tím được tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương, danh hiệu cao quý của Nhà nước. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Bị cáo đã từng bị kết án nhiều lần, trong đó có bản án đã được xóa án tích, có bản án chưa được xóa án tích. Do đó, đánh giá bị cáo có nhân thân xấu.

[8] Từ những nhận định trên, thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng mà giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo trở thành người có ích cho xã hội.

[9] Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện bị cáo là người nghiện ma túy, không có tài sản riêng. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa làm rõ được đề xử lý. Kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ người đàn ông này.

[11] Mẫu vật đã giám định đựng trong 01 (một) phong bì đã niêm phong là chất ma túy, là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ; 01 chai nhựa có gắn vòi hút nhựa là vật không có giá trị nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[12] Về án phí: Bị cáo Lưu Minh T là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[13] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn cơ bản phù hợp, đúng với các quy định của pháp luật. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng

thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như đã nhận định ở trên.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào Điều 296, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lưu Minh T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lưu Minh T 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22-4-2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng

Tịch thu, tiêu hủy mẫu vật là chất ma túy còn lại sau giám định đựng trong 01 (một) phong bì niêm phong; 01 chai nhựa có gắn vòi hút nhựa.

(Vật chứng trên đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16-7-2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn).

4. Án phí: Bị cáo Lưu Minh T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an TP.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CQTHAHS CATP.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS TP.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Nhân

